

Bản án số: 38/2025/DS- PT

Ngày: 27/2/2025

V/v “*Tranh chấp bồi thường thiệt
hại ngoài hợp đồng*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương Giang;

Các thẩm phán: Bà Triệu Thị Luyện;

Bà Phạm Thị Chuyên.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Thương Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang: Bà Hà Thị Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 2 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 230/2024/TLPT-DS ngày 12 tháng 11 năm 2024 về việc “*Tranh chấp bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 32/2024/DS-ST ngày 30/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Sơn Động bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 305/2024/QĐPT-DS ngày 09/12/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2025/QĐ- PT ngày 10/01/2025, Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 06/TB-TA ngày 07/2/2025 giữa:

- *Nguyên đơn:* Ông Phạm Văn T, sinh năm 1957 (Có mặt)

Địa chỉ thường trú: TDP số A1, thị trấn A, huyện S, tỉnh Bắc Giang.

- *Bị đơn:*

1. Bà Lê Thị H, sinh năm 1963 (Có mặt)

2. Bà Đặng Thị N, sinh năm 1959 (Vắng mặt)

Đều thường trú tại: TDP số C, thị trấn A, huyện S, tỉnh Bắc Giang.

3. Bà Hoàng Thị T1, sinh năm 1966 (Có mặt)

Địa chỉ thường trú: TDP số D, thị trấn A, huyện S, tỉnh Bắc Giang.

4. Bà Hoàng Thị V, sinh 1966 (Có mặt)

Nơi ĐKNK thường trú: TDP số 1, thị trấn A, huyện S, tỉnh Bắc Giang.

Địa chỉ thường trú: TDP Thượng B, thị trấn A, S, Bắc Giang.

5. Ông Giáp Văn T2, sinh năm 1974 (Vắng mặt)

Địa chỉ thường trú: TDP H, thị trấn A, huyện S, Bắc Giang.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Trần Thị P, sinh năm 1968 (Vắng mặt)

2. Bà Lương Thị H1, sinh năm 1960 (Vắng mặt)

3. Ông Nguyễn Văn H2, sinh năm 1988 (Vắng mặt)

4. Ông Nguyễn Xuân G, sinh năm 1981 (Vắng mặt)

5. Ông Trần Văn H3, sinh năm 1995 (Vắng mặt)

Đều thường trú tại: TDP số C, thị trấn A, huyện S, tỉnh Bắc Giang.

6. Bà Nông Thị V1, sinh năm 1978 (Vắng mặt)

Địa chỉ thường trú: TDP số D, thị trấn A, huyện S, tỉnh Bắc Giang.

7. Ông Nguyễn Công C, sinh năm 1957 (Vắng mặt)

8. Bà Vi Thị Thu H4, sinh năm 1987 (Vắng mặt)

Đều thường trú tại: TDP số A, thị trấn A, huyện S, tỉnh Bắc Giang.

9. Bà Lãnh Thị N1, sinh năm 1978 (Vắng mặt)

Địa chỉ thường trú: TDP T, thị trấn A, huyện S, tỉnh Bắc Giang.

10. Ông Hoàng Văn T3, sinh năm 1963 (Vắng mặt)

Địa chỉ thường trú tại: Thôn V, xã A, huyện S, tỉnh Bắc Giang.

11. Bà Nghiêm Thị N2, sinh năm 1968 (Vắng mặt)

Địa chỉ thường trú: TDP Đ, thị trấn T, huyện S, Bắc Giang.

12. Bà Lương Thị V2, sinh năm 1958 (Vắng mặt)

13. Anh Phạm Trung K, sinh năm 1988 (Vắng mặt)

14. Chị Vương Thị Hồng N3, sinh năm 1996 (Vắng mặt)

Đều thường trú tại: TDP số A, thị trấn A, huyện S, tỉnh Bắc Giang.

15. Công ty Cổ phần T5; Do bà Lê Thị H - Là Chủ tịch Hội đồng quản trị - Giám đốc Công ty, theo Nghị quyết Đại hội ngày 05/5/2024, (Có mặt); Ông Phạm Văn T – Là Chủ tịch Hội đồng quản trị - Giám đốc Công ty Cổ phần T5, theo Nghị quyết Đại hội năm 2019; có mặt. Địa chỉ: Tổ dân phố số A, thị trấn A, huyện S, tỉnh Bắc Giang, (Có mặt)

* Người kháng cáo: Ông Phạm Văn T là nguyên đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn là ông Phạm Văn T trình bày:

Hiện nay Công ty cổ phần T5 có tổng số 16 cổ đông; hội đồng quản trị có 03 người, người giữ chức vụ chủ tịch Hội đồng đương nhiệm là bà Lê Thị H.

Các cổ đông gồm: Ông Phạm Văn T, bà Lê Thị H, bà Hoàng Thị V, bà Hoàng Thị T1, ông Nguyễn Công C, bà Đặng Thị N, bà Lương Thị H1, bà Trần Thị P,

ông Nguyễn Xuân G, ông Trần Văn H3, bà Lãnh Thị N1, bà Vi Thị Thu H4, bà Nông Thị V1, bà Nghiêm Thị N2, ông Hoàng Văn T3, ông Nguyễn Văn H2.

Năm 2014 khi ông chuyển 20% vốn mà ông mua qua đấu giá, đăng ký chuyển thành sở hữu cá nhân thì bà H và bà T1 cho là ông chuyển hóa tranh của người lao động, không công nhận quyền sở hữu của cá nhân ông và tuyên truyền một số cổ đông khác thành nhóm dùng nhiều thủ đoạn bịa đặt, vu khống, chống phá, cản trở, gây rối, vu oan cho ông nhiều chuyện, cụ thể như sau:

Về phá rối không tổ chức được Đại hội năm 2014: Để làm có Giám đốc không tổ chức Đại hội nhiều năm và sau đó lấy có công ty không tổ chức được Đại hội thì nhóm tổ chức Đại hội bất thường để bãi nhiệm Giám đốc, không thừa nhận cổ phần của ông. Cản trở không cho xây dựng quy hoạch quầy bán hàng trên phần đất công ty còn để trống.

Bà H, bà T1 tuyên truyền sai sự thật về việc làm của Giám đốc, vận động một nhóm cổ đông ra ngăn chặn, cản trở không cho Công ty thi công xây dựng quy hoạch đã được duyệt và cấp phép xây dựng, đã trực tiếp ngăn cản xe cơ giới vào thi công xây dựng năm 2017.

Biết có sự phá rối, chống phá công ty đã có công văn gửi UBND thị trấn A, UBND huyện báo cáo sự việc và đề nghị cho lực lượng an ninh xuống hiện trường giúp đỡ để thi công được thuận lợi nhưng những người này vẫn ngăn cản, gây rối, lấy lý do Giám Đốc bán đất cho ông T4 chưa được giải quyết (thực chất lại không phải ông T bán). Buổi làm việc Trưởng công an Thị trấn chủ trì nhưng các ông bà trên không nghe mà vẫn tiếp tục dùng Đại hội bất thường để kéo dài thời gian gây bất lợi, cản trở, gây thiệt hại lớn về kinh tế đến nay.

Hồ sơ thiết kế và giấy cấp phép xây dựng 2 lần đầu hết hạn hủy bỏ (Có hồ sơ cấp phép kèm theo đơn). Biết do quy hoạch quầy hàng Công ty là để có đủ quầy giao cho số cổ phần chưa được phân quầy (Vì công ty giao khoán quầy kinh doanh theo giá ưu đãi nên nó là lợi nhuận của cổ phần chính; là sự công bằng lợi nhuận vốn góp là phân chia lợi nhuận của công ty cổ phần. Nếu được thực hiện thì ông sẽ được hưởng lợi của số cổ phần sở hữu cá nhân nên bà H, bà T1 và một số cổ đông khác tìm đủ mọi thủ đoạn cản trở không chấp nhận cổ phần của ông, làm thiệt hại cho cá nhân ông, cách này không được thì tìm cách khác quyết tâm phá.

Về cố tình chiếm đoạt con dấu công ty: Lợi dụng việc bàn giao dấu để phục vụ Đại hội, xong Đại hội bất thành do vi phạm quá nhiều luật pháp không được thực hiện nhưng các bị đơn vẫn chiếm giữ dấu từ đó dùng chức danh là Ban lãnh đạo mới ký tên đóng dấu tự nhận là Giám đốc để làm những việc mà không phải Đại hội bất thường giải quyết, thậm chí cả khoảng cách giữa hai Đại hội không thành vẫn giữ dấu và tự nhận vẫn là lãnh đạo và dùng ký tên, đóng dấu triệu tập

Đại hội tiếp theo. Lấy những lý do vô lý kể trên bà H, bà T1 đứng tên triệu tập Đại hội cổ đông bất thường trong mấy năm đã 4 lần Đại hội liên tiếp đều thực hiện trái pháp luật, biết sai nhưng vẫn làm nhằm mục đích kéo dài. Theo Điều lệ thì bà H không đủ các điều kiện quy định của điều lệ về Giám đốc công ty mà cố tình tìm mọi thủ đoạn chiếm đoạt 20% cổ phần của ông, không chiếm được thì chuyển sang chống phá và ngăn cản không cho hưởng lợi từ số cổ phần nói trên. Trong thời gian kéo dài trì trệ, các bị đơn đã tạo điều kiện cho một số cổ đông trong nhóm tranh thủ kiếm lợi từ việc chưa quy hoạch để cho thuê ki ốt thu tiền cá nhân, đây là có chủ ý lợi ích nhóm.

Về điều kiện các cổ đông được phân quầy: Là cổ đông có cổ phần ở công ty, sở hữu 150 cổ phần. Từ năm 1996, theo quy định của Công ty T6 về góp vốn xây dựng (lúc đó là doanh nghiệp của nhà nước 100%), các thành viên ai góp vốn được số tiền 15.000.000đ thì được phân 01 quầy để kinh doanh. Khi đó ông đã góp vốn 35.000.000đ nên được phân 02 quầy. Năm 2001 thì Công ty đã chuyển sang cổ phần hóa, vốn của nhà nước thì giữ nguyên là một cổ đông có 20% vốn, các vốn góp của các thành viên chuyển sang thành cổ đông tương ứng; giữ vốn góp ban đầu là 15.000.000đ đã góp thì được phân 01 quầy. Hiện tại Công ty đang có 14 quầy bán hàng, hiện các cổ đông đang bán hàng gồm: Ông, bà H, bà V, bà T1, ông C, bà N, bà H1, bà N4, ông T2, ông H2, ông G, ông A là mỗi người 01 quầy, bà N1 là 02 quầy (ông A, ông T2, bà N4 đã chuyển cho người khác). Số quầy hàng mà ông chia theo cổ phần là còn được hưởng thêm là 5 quầy nữa, ông cho bà V mượn 01 quầy thì còn được phân 04 quầy nữa.

Về điều kiện xây dựng thêm quầy hàng:

Ngày 15/9/2014, Công ty cổ phần T5 có Nghị quyết đại hội cổ đông nhiệm kỳ 2014 – 2019, trong đó có việc xây dựng thêm các quầy hàng cho của Công ty; ngày 24/9/2014, Công ty đã có quyết định về “*phê duyệt thiết kế bản vẽ và dự toán thi công xây dựng công trình của Công ty là dãy nhà số B*”. Ngày 02/01/2016, Công ty có nghị quyết hội đồng quản trị về việc xây dựng lại dãy quầy và văn phòng công ty đang làm việc, cụ thể “*dãy vào công chợ và phía đuôi đường vào chợ của bên đối diện; xây dựng lại phần còn lại dãy quầy số 1 theo thiết kế xây dựng của Công ty đã được UBND huyện phê duyệt*”, các thành viên trong Hội đồng quản trị, giám đốc, ban kiểm soát trong hội nghị đều đã ký nghị quyết.

Năm 2014, Công ty đã được UBND huyện S cấp phép xây dựng và phê duyệt quy hoạch xây dựng thêm 07 quầy nữa, 07 quầy được xây dựng trên đất của Công ty trên cơ sở Nghị quyết của Công ty. Khi Công ty thuê đơn vị xây dựng tiến hành san ủi giải phóng mặt bằng 02 lần thì những người trực tiếp ra cản trở, gây rối không cho thi công công trình nhiều lần tại công trường thi công gồm bà H, bà V, bà N, ông T2 còn bà T1 là người đứng sau xúi giục nên Công ty không xây dựng

được và thiệt hại từ đó cho đến nay. Do đó ông yêu cầu những người trên gây ra thiệt hại trực tiếp cho ông thì phải bồi thường cho ông, còn lại những cổ đông khác không trực tiếp tham gia, xúi giục nên ông không có yêu cầu gì.

Nay ông yêu cầu bà H, bà V, bà N, ông T2 phải bồi thường thiệt hại do ông không được hưởng từ lợi ích của những cổ phần, những quầy hàng mà cá nhân ông được sở hữu, cụ thể như sau:

Thời điểm tính bồi thường từ khi UBND huyện cấp phép xây dựng lần đầu từ ngày 21/10/2014 là 9 năm.

Cụ thể thiệt hại: Số quầy hàng mà chia theo cổ phần là còn được hưởng là 5 quầy theo giá cho thuê để kinh doanh (tính theo giá mà chính bà H đã đang cho thuê là 3.400.000/1 quầy/1 tháng).

Tính từ khi thi công xây dựng quầy xong chưa kinh doanh được đến nay là 104 tháng. Vậy là 3.400.000 đồng/ 1 tháng/ 1 quầy x 5 quầy = 17.000.000đ/tháng. Tổng 105 tháng x 17.000.000đ = 1.785.000.000đ. Ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

Các bị đơn gồm bà Lê Thị H, bà Hoàng Thị V, bà Hoàng Thị T1 trình bày:

Công ty có tổng số 16 cổ đông; hội đồng quản trị có 03 người, người giữ chức vụ chủ tịch Hội đồng đương nhiệm là bà Lê Thị H.

Ông Phạm Văn T, bà Lê Thị H, bà Hoàng Thị V, bà Hoàng Thị T1, ông Nguyễn Công C, bà Đặng Thị N, bà Lương Thị H1, bà N4 (Hiện nay bà N4 đã chuyển nhượng cổ phần cho người bà H4), ông Giáp Văn T2 (Hiện nay đã chuyển nhượng cổ phần cho bà P), ông Nguyễn Quang H5, ông Nguyễn Xuân G, ông Nguyễn Văn A, bà Lãnh Thị N1 (bà N1 đã nhận chuyển nhượng lại 01 cổ đông), bà Nông Thị V1, bà Nghiêm Thị N2, ông Hoàng Văn T3. Ông Phạm Văn T nắm giữ giá trị là 350 cổ phần = 11,6% vốn điều lệ của Công ty; bà Lê Thị H, nắm giữ giá trị là 160 cổ phần = 5,33% vốn điều lệ của Công ty; bà Hoàng Thị V nắm giữ giá trị là 180 cổ phần = 6% vốn điều lệ của Công ty; bà Hoàng Thị T1 nắm giữ giá trị là 160 cổ phần = 5,33% vốn điều lệ của Công ty; ông Nguyễn Công C nắm giữ giá trị là 150 cổ phần = 5,0% vốn điều lệ của Công ty; bà Đặng Thị N nắm giữ giá trị là 150 cổ phần = 5,0% vốn điều lệ của Công ty ; bà Lương Thị H1 nắm giữ giá trị là 130 cổ phần = 4,33% vốn điều lệ của Công ty; bà Vi Thị Thu H4 nắm giữ giá trị là 150 cổ phần = 5,0% vốn điều lệ của Công ty; ông Giáp Văn T2 nắm giữ giá trị là 150 cổ phần = 5,0% vốn điều lệ của Công ty (Hiện nay ông T2 đã chuyển cổ phần cho P); ông Nguyễn Quang H5 nắm giữ giá trị là 100 cổ phần = 3,33% vốn điều lệ của Công ty; ông Nguyễn Xuân G nắm giữ giá trị là 100 cổ phần = 3,33% vốn điều lệ của Công ty; ông Trần Xuân H6 (cổ phần của ông A bán lại cho ông

H6) nắm giữ giá trị là 100 cổ phần = 3,33% vốn điều lệ của Công ty; bà Lãnh Thị N1 nắm giữ giá trị là 350 cổ phần = 11,6% vốn điều lệ của Công ty; bà Nông Thị V1 nắm giữ nắm giữ giá trị là 120 cổ phần = 4,0% vốn điều lệ của Công ty; bà Nghiêm Thị N2 nắm giữ giá trị là 50 cổ phần = 1,6% vốn điều lệ của Công ty; ông Hoàng Văn T3 nắm giữ giá trị là 50 cổ phần = 1,6% vốn điều lệ của Công ty. Vốn nhà nước 600 cổ phần = 20% vốn điều lệ (vốn của Nhà nước nhưng hiện nay chưa xác định chủ sở hữu nhưng ông T tự nhận đã sở hữu 600 cổ phần đó về cá nhân mình).

Năm 2003, Công ty có 14 quầy hàng, khoảng giữa năm 2022 thêm 01 quầy hàng thành 15 quầy hàng; Các quầy hàng nêu trên cho một số cổ đông của Công ty được thuê khoán quầy hàng để kinh doanh và được Công ty chấp thuận. Hàng tháng thì phải nộp tiền thuê khoán cho Công ty H7 là 900.000đ/tháng, tính từ tháng 04 năm 2021. Từ tháng 03/2021 trở về trước thì giá thuê khoán là 600.000đ/quầy/tháng. Toàn bộ số tiền thu nộp về Công ty theo quy định. Những người đang quản lý, kinh doanh quầy hàng gồm: Phạm Văn T 01 quầy, bà Lê Thị H 01 quầy, bà Hoàng Thị V 01 quầy, bà Hoàng Thị T1 01 quầy, ông Nguyễn Công C 01 quầy, bà Đặng Thị N 01 quầy, bà Lương Thị H1 01 quầy, bà Vi Thị Thu H4 01 quầy, bà Trần Thị P 01 quầy, ông Nguyễn Quang H5 01 quầy, ông Nguyễn Xuân G 01 quầy, ông Trần Văn H3 01 quầy, bà Lãnh Thị N1 02 quầy, bà Nông Thị V1 01 quầy, bà Nghiêm Thị N2 và ông Hoàng Văn T3 không có.

Ông T trình bày như vậy là không đúng sự thật. Các bà tổ chức Đại hội là đúng theo quy định của Điều lệ công ty. Việc tận dụng cho thuê chỗ đất trống vào chợ để tăng thu nhập cho Công ty và nộp cho thủ quỹ của Công ty, không có chuyện thu để chi tiêu cá nhân, ông T nói thu cho cá nhân là không đúng.

Năm 2014, Công ty đã có kế hoạch phá đi 04 quầy hàng và xây dựng lại, còn xây dựng bao nhiêu quầy hàng các bà không rõ, không được họp bàn. (Quầy của bà Ngân Thị N4, bà Lãnh Thị N1, bà Nguyễn Thị N5, ông Giáp Văn T2 đang thuê khoán) trên diện tích đất 237m², hiện 01 quầy hàng công ty rộng khoảng 20m².

Tuy nhiên, về vốn đầu tư xây dựng, dự toán thi công, bản vẽ, thiết kế thi công, chủ đầu tư, đơn vị thi công lại quầy hàng các bà không được biết, do Công ty chưa được họp bàn trong công ty.

Tháng 6 năm 2017, các bà thấy có đơn vị cho máy móc đến Công ty tiến hành san lấp mặt bằng để thi công xây dựng quầy hàng thì các bà bảo đất của Công ty, công ty chưa được bàn bạc thống nhất làm nên bảo họ không tiến hành làm nữa. Đơn vị san ủi họ dừng lại không làm nữa, các bà không có cản trở máy móc san lấp hay xúi giục ai. Ngày 28/6/2019, đơn vị thi công tiếp tục cho máy xúc vào san ủi nên các bà yêu cầu dừng lại. Các bà chỉ có ra hiện trường nhắc đơn vị thi công, không cản chở hay xúi giục gì.

Việc ông T trình bày được phân 5 quầy là không đúng vì không có quy định nào trong Công ty quy định về Cổ đông được phân quầy như vậy. Ông T đưa ra thì phải cung cấp chứng cứ để chứng minh. Việc góp vốn người nhiều, người ít, ki ốt là cho thuê nên có cổ đông có quầy, có cổ đông không có quầy hàng nào. Nghị quyết, Điều lệ Công ty không có việc phân quầy hàng.

Các bà không chấp nhận toàn bộ yêu cầu của ông T. Ngoài ra các bà không có yêu cầu gì khác.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Ông Giáp Văn T2 trình bày: Đại hội năm 2014 kéo dài 6 tháng; lần 1 vào ngày 15/9/2014, tổ chức được 1 phần; lần 2 vào ngày 22/9/2014 tổ chức và họp thêm được 1 phần; lần 3 vào ngày 14/3/2015 tiếp tục họp cho đến khi đến phần bỏ phiếu để bầu ra ban Hội đồng quản trị. Khi kiểm phiếu, người không có nhiệm vụ thì không được vào nhưng ông T là người được bầu trong Hội đồng quản trị ông đã vào bàn kiểm phiếu và tham gia việc kiểm phiếu. Ông và các cổ đông không đồng tình với việc làm của ông T, cuộc họp phải bỏ dở và không ra được nghị quyết. Về việc cản trở không cho xây dựng: ông không được họp bàn, không được thông qua việc xây dựng ki ốt. Đến ngày 28/6/2017, ông và mọi người trong công ty thấy máy xúc đến, có hỏi thì chủ xe, chủ máy bảo ông T gọi đến. Vì lợi ích của ông và các cổ đông, ông có bảo thợ quay về, không làm nữa. Về việc quy hoạch quầy của công ty: Các quầy do các cổ đông sở hữu được thành lập trước 2003 vẫn giữ nguyên hiện trạng đến khi có quy hoạch chợ. Do làm đường vào 3 quầy của công ty, ông T là Chủ tịch Hội đồng quản trị họp bàn và giao lại 1 quầy cho công ty, công ty đã bồi thường cho ông T thỏa đáng. Về việc chiếm đoạt con dấu thì ông T trình bày hoàn toàn sai sự thật: Ngày 24/3/2021 chính bà V2 đem con dấu đến và bàn giao lại cho đại hội cả đại hội chứng kiến có giấy giao nhận 2 bên ký. Về 20% vốn của Nhà nước: Trước đại hội chủ tọa đã công bố 20% để lại khi nào ông T mang đầy đủ giấy tờ mua bán để làm thủ tục để làm chuyển nhượng sang chính tên ông T nhưng ông T không mang đến. Do đó, ông không chấp nhận toàn bộ yêu cầu của ông T.

- Ông Nguyễn Công C trình bày: Ông là một cổ đông của Công ty cổ phần T5, ông được nhận khoán quầy kinh doanh độc lập, có giấy phép kinh doanh hàng tháng nộp thuế và nộp các khoản khác đầy đủ theo qui định cho Công ty. Ông ủng hộ dự án, kế hoạch xây dựng công ty phát triển, ông không làm gì để mất danh dự nhân phẩm hoặc thiệt hại cho cá nhân ông T. Việc ông là thành viên hội đồng quản trị công ty là do đại hội tín nhiệm bỏ phiếu bầu ông; ông xác định không làm gì thiệt hại cho cá nhân ông T nên không có liên quan với ông Phạm Văn T khởi kiện đòi bồi thường thiệt hại. Ông đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

- Đối với bà Đặng Thị N, bà Lương Thị H1, bà Trần Thị P, ông Nguyễn Xuân G, ông Trần Văn H3, bà Lãnh Thị N1, bà Vi Thị Thu H4, bà Nông Thị V1, bà Nghiêm Thị N2, ông Hoàng Văn T3, ông Nguyễn Văn H2: Tòa án đã giao các giấy triệu tập, thông báo phiên họp và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng đều vắng mặt không có lý do, không đến Tòa án để làm việc, tham gia phiên Tòa.
oHoaf vẫn v

Với nội dung trên, bản án dân sự sơ thẩm số 32/2024/DS-ST ngày 30/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Sơn Động đã quyết định:

Căn cứ vào Điều 584, 585, 586 và 587 của Bộ luật Dân sự 2015; Khoản 6 Điều 26, Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 91, khoản 4 Điều 147, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273, Điều 278 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn T về yêu cầu bà Lê Thị H, bà Đặng Thị N, bà Hoàng Thị T1, bà Hoàng Thị V và ông Giáp Văn T2 phải bồi thường số tiền 1.785.000.000đ.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo, quyền thi hành án đối với các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm: Ngày 04/10/2024, ông Phạm Văn T có đơn kháng cáo, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang sửa bản án sơ thẩm số 32/2024/DS-ST ngày 30/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Sơn Động theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Nguyên đơn ông Phạm Văn T trình bày: Tòa án cấp sơ thẩm chưa xem xét, đánh giá toàn diện các nội dung tranh chấp. Ông đủ căn cứ đều yêu cầu đòi bồi thường thiệt hại, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án theo hướng buộc các bị đơn phải bồi thường cho ông tổng số 1.785.0000.000 đồng, trong đó cá nhân bà H, bà V, bà T1 mỗi người phải bồi thường 500.00.000 đồng, hai người còn lại là ông T2 và bà N mỗi người phải bồi thường 142.500.000 đồng. Đây là thiệt hại của cá nhân ông khi ông không khai thác được lợi ích kinh tế của các quầy hàng mà lẽ ra cổ đông sở hữu cổ phần lớn nhất như ông được hưởng.

Bà Lê Thị H, bà Hoàng Thị T1 và bà Hoàng Thị V thống nhất trình bày: Yêu cầu khởi kiện và kháng cáo của ông T đều không có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận. Các bà chỉ thực hiện đúng theo quyền và nghĩa vụ cổ đông công ty, không chông phá hoặc gây tổn hại gì cho công ty cũng như cá nhân ông T. Việc ông T cho rằng được sở hữu 5 quầy hàng và tính thiệt hại là không có

căn cứ pháp lý.

Đại diện VKSND tỉnh Bắc Giang phát biểu:

- Về tố tụng: Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang, ông T, bà H, bà T1, bà V chấp hành đầy đủ các trình tự, thủ tục của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự còn lại chưa chấp hành đầy đủ các trình tự, thủ tục của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Phạm Văn T; giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 32/2024/DS-ST ngày 30/9/2024 của Toà án nhân dân huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Phạm Văn T được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về sự vắng mặt của các đương sự: Một số bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên toà mở lần thứ hai. Do vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt họ là đảm bảo quy định tại Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét kháng cáo của ông Phạm Văn T: Ông Phạm Văn T khởi kiện yêu cầu các bị đơn (bà H, bà V, bà T1, bà N, ông T2) phải bồi thường cho ông tổng số tiền 1.785.000.000 đồng là thiệt hại do ông không khai thác được lợi ích kinh tế từ các quầy hàng mà lẽ ra ông được phân chia nếu không có sự can phá, chống đối của các bị đơn.

[3] Hội đồng xét xử thấy: Hiện nay Công ty cổ phần T5 có tổng số 16 cổ đông, gồm ông Phạm Văn T, bà Lê Thị H, bà Hoàng Thị V, bà Hoàng Thị T1, ông Nguyễn Công C, bà Đặng Thị N, bà Lương Thị H1, bà Trần Thị P, ông Nguyễn Xuân G, ông Trần Văn H3, bà Lãnh Thị N1, bà Vi Thị Thu H4, bà Nông Thị V1, bà Nghiêm Thị N2, ông Hoàng Văn T3, ông Nguyễn Văn H2. Hiện nay Công ty cổ phần T5 được tổ chức và hoạt động theo Điều lệ năm 2003 chưa được sửa đổi, bổ sung lần nào. Do vậy, Hội đồng xét xử sơ thẩm căn cứ vào Điều lệ năm 2003 của Công ty và Luật Doanh nghiệp 2020 để giải quyết là có cơ sở.

[4] Ông T cho rằng ông là cổ đông sở hữu số cổ phần nhiều nhất Công ty; tương ứng với số cổ phần đó thì ông T phải được chia 05 quầy hàng nếu Công ty xây dựng xong hệ thống quầy hàng của Công ty vào năm 2014. Theo quy định tại Điều 19 Điều lệ hoạt động của Công ty năm 2003 thì quyền lợi của cổ đông của công ty chỉ “*được chia cổ tức tương ứng với phần góp vốn, được ưu tiên mua cổ phần khi công ty cổ phần P1 thêm cổ phiếu...*”. Điều lệ năm 2003 của Công ty không có quy định nào thể hiện nội dung về việc phân chia quầy hàng cho cổ đông.

Ngoài lời khai của mình, ông T không cung cấp được tài liệu, chứng cứ về chứng minh việc Công ty quyết định phân quầy hàng như ông T trình bày nên không có căn cứ xác định ông T đã bị thiệt hại số tiền 1.785.000.000.000 đồng là tiền thu nhập (cho thuê) từ 5 quầy hàng trên.

[5] Theo lời khai của ông T trình bày tại phiên tòa: Đến thời điểm khởi công xây dựng các quầy hàng, Công ty cổ phần T5 chưa huy động được nguồn vốn để xây dựng các quầy hàng. Mặt khác, khi tiến hành giải phóng mặt bằng, các cổ đông Công ty có nhiều quan điểm không thống nhất việc san ủi và giải phóng mặt bằng. Việc các bị đơn có ý kiến phản đối, yêu cầu đơn vị san ủi mặt bằng không được cho máy móc vào làm là thể hiện quan điểm của cổ đông công ty. Sau khi các bị đơn có ý kiến phản đối, Công ty cổ phần T5 cũng như ông Phạm Văn T không tiếp tục thực hiện dự án xây dựng quầy hàng kinh doanh. Chưa có Văn bản nào của Cơ quan có thẩm quyền xác định hành vi của các bị đơn đã xâm phạm về tài sản, quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty cổ phần T5 hay cá nhân ông T.

[6] Theo quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự: *“Đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án, tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp”*. Ông T không chứng minh được có thiệt hại xảy ra và các bị đơn đã gây ra các thiệt hại đó. Do vậy Hội đồng xét xử sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu đòi bồi thường thiệt hại của ông T là có căn cứ theo quy định tại Điều 584, 585, 586 và 587 của Bộ luật Dân sự.

[7] Tại cấp phúc thẩm, ông T không xuất trình được tài liệu, chứng cứ gì khác nên cần áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của ông T, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang.

[8] Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem, giải quyết các quyết định khác của bản án sơ thẩm mà không có kháng cáo, kháng nghị.

[9] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do ông T là người cao tuổi nên được miễn toàn bộ án phí DSPT, theo quy định tại Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của ông Phạm Văn T, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 32/2024/DS-ST ngày 30/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Sơn Động.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Căn cứ Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, miễn án phí dân sự phúc thẩm cho ông Phạm Văn T.

Các quyết định khác của bản án dân sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Tòa án nhân dân huyện Sơn Động;
- Chi cục THADS huyện Sơn Động;
- Các đương sự;
- Cổng thông tin điện tử của TANDTC;
- Lưu HS; VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Hương Giang